TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠNH PHÚ** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 161/2023/QĐST-DS	*Thạnh Phú, ngày 29 tháng 9 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 20 tháng 9 năm 2023 về việc các đương sự thoả thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án dân sự thụ lý số: 234/2022/TLST–DS ngày 19 tháng 10 năm 2022.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

** Nguyên đơn*:

- Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1958; nơi cư trú: 88/1, ấp T, xã Q, huyện T, tỉnh B.
- Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1963; nơi cư trú: 160/3, ấp T, xã B, huyện T, tỉnh B.
- Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1974; nơi cư trú: 131/1, ấp T, xã Q, huyện T, tỉnh B.
- Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1975; nơi cư trú: 29/2, ấp Q, xã B, huyện T, tỉnh B.
- Bà Nguyễn Thị Út N, sinh năm 1984; nơi cư trú: ấp 5, xã L, huyện C, tỉnh L.
- Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1982. Nơi cư trú: 7/3, ấp T, xã B, huyện T, tỉnh B.

Người đại diện hợp pháp của các nguyên đơn: Ông Nguyễn Minh K, sinh năm 1981; nơi cư trú: 251 ấp H, xã T, huyện M, tỉnh B theo văn bản ủy quyền ngày

21/12/2021 và văn bản ủy quyền ngày 03/12/2021.

* *Bị đơn*: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1969; nơi cư trú: 194/2 ấp T, xã B, huyện T, tỉnh B.

Người đại diện của các bị đơn: Bà Lê Thị Thanh N, sinh năm 1990; nơi cư trú: ấp M, xã N, huyện M, tỉnh B theo văn bản ủy quyền ngày 04/01/2023.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Ông Hồng Văn H, sinh năm: 1961; địa chỉ: 33/2 ấp T, xã B, huyện T, tỉnh B (có yêu cầu giải quyết vắng mặt).

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về trách nhiệm dân sự:

2.1.1 Ông Nguyễn Minh K là người đại diện hợp pháp của các nguyên đơn gồm: bà Nguyễn Thị N, ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị M, ông Nguyễn Văn C, ông Nguyễn Văn D, bà Nguyễn Thị Út N và bà Lê Thị Thanh N là người đại diện hợp pháp của bị đơn ông Nguyễn Văn H thống nhất thỏa thuận như sau:

- Chia cho các nguyên đơn bà Nguyễn Thị N, ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị M, ông Nguyễn Văn C, ông Nguyễn Văn D, bà Nguyễn Thị Út N được đồng quản lý, sử dụng tổng diện tích 812.3 m^2 đất gồm: diện tích 12.1m^2 (ký hiệu thửa 325a), diện tích 0.7m^2 (ký hiệu thửa 325b), diện tích 548.8m^2 (ký hiệu thửa 325c), diện tích 88.5m^2 (ký hiệu thửa 325d), diện tích 72.8m^2 (ký hiệu thửa 325e), diện tích 4.1m^2 (ký hiệu thửa 325h), diện tích 7.8m^2 (ký hiệu thửa 325g), diện tích 44.2m^2 (ký hiệu thửa 325i) và diện tích 33.3m^2 (ký hiệu thửa số 324b) cùng tờ bản đồ số 15, tọa lạc ấp Thạnh Lợi, xã B, huyện T, tỉnh B. Đồng thời các nguyên đơn bà Nguyễn Thị N, ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị M, ông Nguyễn Văn C, ông Nguyễn Văn D, bà Nguyễn Thị Út N được đồng sở hữu, quản lý và sử dụng toàn bộ các tài sản gắn liền với các phần đất nêu trên gồm: chuồng dê (vị trí thuộc thửa 325a); hàng rào trụ bê tông xây lửng (vị trí thuộc thửa 325b); 01 căn nhà (nhà trước) móng cột dầm bê tông cốt thép, tường bao che xây gạch ngăn phòng xây gạch dày 10cm, hoàn thiện sơn nước không trần, nền lát gạch ceramic và phần hàng rào trụ đà bê tông cốt thép; hồ nước và nhà vệ sinh; hàng rào lưới B40; 01 căn nhà (nhà sau) kết cấu móng cột dầm bê tông cốt thép, tường bao che, không ngăn phòng, hoàn thiện quét vôi, không trần, nền lát gạch tàu, mái che tole fribô xi măng, cột bê tông (vị trí thuộc thửa 325h, 325d và 325e); hồ nuôi cá (vị trí thuộc thửa 325g) cùng tất cả cây trồng như: chuối, so đũa,.....và vật kiến trúc khác, cây trồng khác trên đất (nếu có). Các nguyên đơn được quyền quản lý 02 ngôi mộ trên đất (vị trí thuộc thửa 325i). Ghi nhận việc ông H được quyền thăm viếng, tảo mộ đối với 02 ngôi mộ trên đất nêu trên.

- Chia cho ông Nguyễn Văn H được quyền quản lý, sử dụng tổng diện tích 202.2 m^2 đất gồm: diện tích 123.2m^2 (ký hiệu thửa 324), diện tích 72.6m^2 (ký hiệu thửa 324a), diện tích 6.4m^2 (ký hiệu thửa 324c), cùng tờ bản đồ số 15, tọa lạc ấp Thạnh Lợi, xã B, huyện T, tỉnh B. Đồng thời ông Nguyễn Văn H được sở hữu, quản lý và sử dụng toàn bộ các tài sản gắn liền với các phần đất nêu trên gồm: 01 căn nhà (nhà trước) một tầng, móng cột dầm bê tông cốt thép, tường bao che, nền lát gạch nền lát gạch ceramic, mái tole fribô xi măng; 01 căn nhà (nhà sau) cột bê tông đúc sẵn, cột thép vách tole, không trần nền đất mái tole (vị trí thuộc thửa 324 và 320c); cùng tất cả các cây trồng, vật kiến trúc khác có trên toàn bộ các phần diện tích đất nêu trên (nếu có).

2.1.2. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Hồng Văn H đồng ý giao cho ông Nguyễn Văn H được quyền tiếp tục quản lý, sử dụng phần đất có tổng diện tích 2.8m^2 đất gồm: diện tích 2.2m^2 (ký hiệu thửa 320a) và diện tích 0.6m^2 (ký hiệu thửa 320c) cùng tờ bản đồ số 15, tọa lạc ấp Thạnh Lợi, xã B, huyện T, tỉnh B. Ông Hồng Văn H không có tranh chấp hay yêu cầu gì khác trong vụ án này. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị N, ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị M, ông Nguyễn Văn C, ông Nguyễn Văn D, bà Nguyễn Thị Út N không có tranh chấp hay yêu cầu đối với diện tích 2.2m^2 (ký hiệu thửa 320a) và diện tích 0.6m^2 (ký hiệu thửa 320c) cùng tờ bản đồ số 15, tọa lạc ấp Thạnh Lợi, xã B, huyện T, tỉnh B.

Về độ dài, tứ cận, vị trí các thửa đất nêu trên có trích lục họa đồ hiện trạng sử dụng đất kèm theo.

2.1.3. Các đương sự căn cứ nội dung của Quyết định này có quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền làm thủ tục về quyền sử dụng đất để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các thửa đất nêu trên theo quy định của pháp luật.

2.1.4. Ghi nhận việc các đương sự đồng ý kết quả đo đạc, xem xét thẩm định, định giá.

2.2. Về chi phí tố tụng*:* Bà Nguyễn Thị N, ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị M, ông Nguyễn Văn C, ông Nguyễn Văn D, bà Nguyễn Thị Út N tự nguyện chịu toàn bộ là 10.672.000 đồng và đã nộp xong.

2.3 Về án phí dân sự sơ thẩm*:*

2.3.1 Bà Nguyễn Thị N, ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị M, ông Nguyễn Văn C, ông Nguyễn Văn D, bà Nguyễn Thị Út N tự nguyện liên đới chịu toàn bộ án phí dân sự (phần di sản thừa kế được chia) là: 3.421.125 đồng. Do bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Văn N thuộc đối tượng người cao tuổi nên được miễn nộp tiền tạm ứng án

phí, án phí theo quy định tại điểm đ, khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án. Vì vậy bà Nguyễn Thị M, ông Nguyễn Văn C, ông Nguyễn Văn D, bà Nguyễn Thị Út N có nghĩa vụ liên đới nộp án phí dân sự sơ thẩm là 2.280.750 đồng.

2.3.2. Bà Nguyễn Thị N, ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị M, ông Nguyễn Văn C, ông Nguyễn Văn D, bà Nguyễn Thị Út N tự nguyện liên đới chịu toàn bộ án phí dân sự (phần di sản thừa kế bị đơn ông Nguyễn Văn H được chia và phần người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Hồng Văn H giao ông H quản lý sử dụng) là: 768.750 đồng theo quy định tại khoản 3, Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

2.3.3. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị M, ông Nguyễn Văn C, ông Nguyễn Văn D, bà Nguyễn Thị Út N đồng ý khấu trừ số tiền án phí nêu trên vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.250.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007509 ngày 18/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T. Do đó Chi cục Thi hành án dân sự huyện T hoàn trả số tiền tạm ứng án phí còn lại cho ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị M, ông Nguyễn Văn C, ông Nguyễn Văn D, bà Nguyễn Thị Út N số tiền 1.200.500 đồng do ông Nguyễn Minh K là người đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn nhận thay.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Thạnh Phú;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Phan Cẩm Nhung